

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH

● PGS. TS. NGUYỄN HỮU THỨC

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có kinh tế du lịch là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ năm 1998, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã khẳng định: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa”. Năm 2001, Quốc hội đã thông qua Luật Di sản văn hóa và sau đó đến năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều, đưa ra những quy định mang tính pháp lý, tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm: “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của Chiến lược phát triển văn hóa... Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững”. Đến năm 2011, chủ trương trên được nâng lên trở thành quan điểm chỉ đạo của Chính phủ nêu trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: “Phát triển du lịch bền vững

gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc”.

Năm 2013 - 2014, Đảng ta chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa. Báo cáo tổng kết của Ban Chỉ đạo Trung ương đã nhận định những chuyển biến tích cực trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5: “Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy, kết hợp tốt hơn với văn hóa đương đại. Có chuyển biến tích cực trong công tác bảo tồn di tích... Chú ý nhiều hơn đến công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể... Phục hồi và phát huy lễ hội truyền thống, làng cổ, làng nghề của các dân tộc. Ý thức của người dân hướng về cội nguồn và khả năng huy động được các nguồn lực trong nhân dân giữ gìn, phát huy di sản văn hóa dân tộc tăng lên. Có chuyển biến trong xúc tiến quảng bá, giới thiệu các di sản văn hóa dân tộc ra nước ngoài, góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch gắn với di sản văn hóa...”⁽¹⁾. Đồng thời với chủ trương nhìn thẳng vào sự thật, Báo cáo tổng kết cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc: “Việc bảo tồn, phát huy giá

trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Nhiều sinh hoạt văn hóa dân tộc bị biến dạng trước tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường và văn hóa ngoại lai. Việc tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa ở một số nơi thực hiện chưa kịp thời, thiếu nghiêm túc, không tôn trọng các quy định hiện hành, dẫn đến sai phạm, gây bức xúc dư luận. Nguy cơ mai một, thất truyền di sản phi vật thể ngày càng cao. Một số loại hình văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán tốt đẹp của một số dân tộc thiểu số bị mai một... Một số nơi phục hồi cả hũ tục, mê tín dị đoan hoặc dàn dựng theo kiểu sân khấu hóa, phô trương, hình thức, gây lãng phí, tốn kém⁽²⁾. Trên cơ sở tổng kết, Đảng ta đã ban hành một nghị quyết mới về văn hóa, con người. Tháng 6-2014, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về *"Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"* ra đời. Nghị quyết này thể hiện tầm nhìn, tư duy sâu sắc của Đảng về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đặt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong mối quan hệ với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch: *"Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch"*.

Đây là chủ trương đúng đắn, kịp thời, là kim chỉ nam giúp các cấp ủy, chính quyền các cấp xử lý hợp lý, hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa với kinh tế du lịch.

Chúng ta đều biết du lịch có chức năng kép: văn hóa và kinh tế. Du lịch là một hoạt động văn hóa, thông qua các *tour* nghỉ ngơi, trải nghiệm, tiêu dùng các sản phẩm du lịch đem đến cho du khách nguồn tri thức có giá trị về tự nhiên và xã hội loài người, tạo ra

cảm hứng sống, cảm xúc thẩm mỹ, giảm căng thẳng, từ đó cảm nhận về giá trị cuộc sống của con người. Bên cạnh đó, du lịch còn là một hoạt động kinh tế. Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam 2001 - 2010* đã đặt mục tiêu: *"Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác hỗ trợ quốc tế góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*.

Ở Việt Nam, loại hình du lịch di sản văn hóa đã và đang có sức thu hút lớn đối với khách nước ngoài. Đến nay đã có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam được UNESCO vinh danh di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới (Quần thể Di tích Cố đô Huế; Vịnh Hạ Long; Khu di tích Chăm Mỹ Sơn; Khu phố cổ Hội An; Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội; Di tích Thành Nhà Hồ; Quần thể danh thắng Tràng An). 7 di sản văn hóa phi vật thể của nước ta được vinh danh Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam; Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ; Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh). Thực tiễn minh chứng những di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam được UNESCO vinh danh là di sản thế giới và những di sản văn hóa phi vật thể được vinh danh di sản văn hóa đại diện của nhân loại đã nhanh chóng trở thành những điểm đến hấp dẫn, tăng mạnh khách du lịch trong nước và quốc tế. Hội nghị Di sản thế giới lần thứ 33, tháng 8-2009 tại Seville, Tây Ban Nha đã đưa ra một kết luận là những danh hiệu di sản văn hóa của UNESCO sẽ đem lại khoản



Vẻ đẹp lôi cuốn của Hội An

ngân sách khoảng 500 triệu USD và 10 triệu lượt du khách tham quan cho mỗi quốc gia. Ở nước ta, những di sản được UNESCO công nhận là di sản thế giới đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động và đem lại một nguồn kinh phí không nhỏ cho địa phương. Ví dụ: Năm 2014, Di sản thế giới Vịnh Hạ Long đón hơn 2,4 triệu lượt khách, chỉ tính doanh thu vé thắng cảnh vào Vịnh là 471 tỷ đồng⁽³⁾; Di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế đón hơn 1,9 triệu lượt khách, doanh thu vé thắng cảnh đạt 139,8 tỷ đồng; Di sản văn hóa thế giới Phố cổ Hội An đón 1,5 triệu lượt khách, doanh thu qua vé thắng cảnh đạt 80 tỷ đồng. Ngoài nguồn thu qua vé thắng cảnh là các khoản thu khác mà khách du lịch phải chi trả cho những ngày lưu lại ở những nơi có di sản. Nhiều di sản văn hóa cấp quốc gia cũng thu hút đông khách du lịch mang lại nguồn thu lớn.

Chính vì di sản văn hóa mang lại nguồn lợi cho chính quyền và người dân có di sản như vậy, nên thời gian vừa qua không ít nơi đã bằng mọi giá để “hút” khách du lịch mà không quan tâm đến việc bảo tồn giá trị của di sản. Lượt khách đến di sản quá tải vào mùa lễ hội, mùa du lịch, dịch vụ bán hàng được

khai thác tối đa, chất thải rắn không được thu dọn, đe dọa đến tuổi thọ của nhiều hạng mục trong khu di sản.

Di sản văn hóa là tài nguyên, “vốn liếng” của du lịch, là tiềm năng lớn cho phát triển du lịch. Du lịch dựa vào các điểm di sản để xây dựng các sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của khách. Khách du lịch đến với di sản văn hóa có tâm lý được thỏa mãn với các nhu cầu: được cảm nhận những giá trị của di sản; được tận hưởng môi trường sạch, đẹp, an toàn; môi trường xã hội thân thiện, không bị quấy rầy; mong muốn chất lượng dịch vụ ăn, nghỉ, vui chơi tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh nhu cầu tích cực, một bộ phận khách du lịch đến với di sản văn hóa có những nhu cầu tiêu cực như cướp ấn, lễ bái, hầu đồng biến tướng kéo dài, đốt vàng mã cỡ lớn... Bài học đắt giá được rút ra từ những hành vi, hiện tượng phản cảm, tiêu cực mà các phương tiện thông tin đại chúng đã phản ánh thời gian qua là lời cảnh báo; tình trạng “thương mại hóa” di sản văn hóa nếu không được chấn chỉnh, ngăn chặn, sẽ là tác nhân trực tiếp hủy hoại giá trị của di sản văn hóa.

Hiện nay, một số nước trên thế giới đã có những kinh nghiệm hay về việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa trong kinh tế du lịch. Họ không làm du lịch bằng mọi giá mà khai thác một cách hợp lý di sản văn hóa, có nhiều biện pháp để giảm lượng người đến di sản nhằm tái hồi sự sống và kéo dài tuổi thọ cho di sản. Ở Anh, Ban Quản lý Di sản vòng tròn cột đá cổ Stoneheng chủ trương không khuyến khích du khách đến thăm bằng biện pháp bán vé rất cao cho du khách có nhu cầu tham quan tìm hiểu di sản. Ở Ai Cập, mỗi ngày Ban Quản lý di tích chỉ mở cửa lần lượt cho khách du lịch vào thăm hầm mộ một Kim Tự Tháp trong số 3 Kim Tự Tháp lớn trong quần thể di tích. Mục đích hạn chế như vậy là để giảm thiểu sự tác động của tiếng động, của hơi người, gây ảnh hưởng đến cây cỏ, đất đá ở Kim Tự Tháp, giúp kéo dài tuổi thọ của di sản văn hóa.

Ở Việt Nam, dư luận xã hội rất đồng tình với quyết định của chính quyền tỉnh Quảng Bình cho dừng triển khai dự án cáp treo đưa người vào tham quan hang động Sơn Đoòng nhằm giữ cho thắng cảnh thuộc loại đẹp và lớn nhất thế giới này về đẹp nguyên sơ như vốn có. Được biết giá vé 3.000 USD/1 du khách đi tour du lịch mạo hiểm thời gian 7 ngày, mỗi nhóm 8 người, dành cho người nước ngoài khám phá hang động Sơn Đoòng đã được các công ty lữ hành quốc tế đặt vé đến hết năm 2016.

Rõ ràng, việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế du lịch phải được tiến hành đồng thời trong cùng một quá trình. Nếu chỉ quan tâm đến bảo tồn mà không chú ý đến phát huy sẽ dẫn đến di sản chỉ là cái vỏ bề ngoài mà mất đi giá trị - phần hồn bên trong của nó. Ngược lại, nếu chỉ quan tâm đến khai thác, phát huy giá trị của di sản nhằm mục tiêu kinh tế mà không chú ý đến bảo tồn sẽ dẫn đến nguy cơ hủy hoại toàn bộ giá trị của di sản.

Cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở những

nơi di sản văn hóa được công nhận từ cấp tỉnh trở lên cần được học tập, quán triệt *Luật Di sản văn hóa* và cần nhận thức sâu sắc rằng di sản văn hóa do các thế hệ đi trước sáng tạo ra, trao truyền lại cho thế hệ hôm nay là tài sản vô giá của dân tộc và của người dân sở tại. Giữ được di sản văn hóa chẳng những là giữ hồn cốt của dân tộc, mà còn mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế cho đất nước, cho nhân dân địa phương thông qua hoạt động du lịch. Tuy nhiên, phải có kế hoạch khai thác hợp lý di sản văn hóa, nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Cần kiên quyết, từng bước thay đổi cách làm du lịch chỉ nhằm đến lợi nhuận mà không tính đến bảo tồn di sản, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên di sản.

Vì vậy, phải làm thế nào để di sản văn hóa sống với cộng đồng, khi di sản trở thành điểm du lịch, khách du lịch và người dân cùng có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản. Nguồn kinh phí thu được qua hoạt động du lịch ở di sản văn hóa cần được chi một phần cho giữ gìn di sản. Mỗi tổ chức và người dân ở nơi có di sản cần nhận thức rằng quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ. Phải lấy ứng xử văn hóa thân thiện, vì lợi ích chính đáng của cá nhân, cộng đồng thông qua các mối quan hệ con người với con người làm "bệ đỡ" trong phát triển kinh tế du lịch ở di sản. Có như vậy, phát triển du lịch mới thực sự bền vững, việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa dân tộc mới mang lại hiệu quả cho xã hội ★

(1) (2) Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2014, tr. 28-29; 41-42.

(3) Ban Quản lý Vịnh Hạ Long: *Báo cáo tổng kết công tác quản lý Vịnh Hạ Long năm 2014*.